

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Hệ đào tạo: **ĐHCQ (4 năm)**
Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
Ngành đào tạo: **Truyền thông Đa phương tiện**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Nữ	04/12/2003	Nam Định	3.17	Khá	D21CQTT01-B

Danh sách gồm 1 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên

- Giỏi: 0 sinh viên

- Khá: 1 sinh viên

- Trung bình: 0 sinh viên

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy
Hệ đào tạo: ĐHCQ (4 năm)
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội
Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Lê Phương	Chi	Nữ	09/05/2003	Hà Nội	2.53	Khá	D21QTDN1
2	Nguyễn Nhật	Linh	Nam	28/06/2003	Hà Nội	3.21	Giỏi	D21QTDN1
3	Lê Thị Tú	Anh	Nữ	13/10/2003	Nghệ An	3.16	Khá	D21QTDN2
4	Đỗ Văn	Phong	Nam	08/01/2003	Hà Nội	3.21	Giỏi	D21QTDN2
5	Trần Thị Hương	Giang	Nữ	25/01/2003	Hà Nội	2.88	Khá	D21QTLG
6	Nguyễn Việt	Hà	Nam	03/11/2003	Hà Nội	2.16	Trung bình	D21QTLG
7	Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	20/11/2003	Thái Bình	2.82	Khá	D21QTLG

Danh sách gồm 7 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 2 sinh viên
- Khá: 4 sinh viên
- Trung bình: 1 sinh viên

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy
Hệ đào tạo: ĐHCQ (4 năm)
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội
Ngành đào tạo: Marketing

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Lê Thị	Giang	Nữ	22/01/2003	Thanh Hóa	3.21	Giỏi	D21IMR1
2	Phạm Thị	Giang	Nữ	16/12/2003	Thái Bình	3.25	Giỏi	D21IMR1
3	Phạm Thị	Huệ	Nữ	21/08/2003	Bắc Giang	3.57	Giỏi	D21IMR2
4	Cao Thanh Thảo	Lê	Nữ	12/12/2003	Nghệ An	2.61	Khá	D21IMR2
5	Đặng Thị Diệu	Linh	Nữ	14/08/2003	Thái Bình	2.74	Khá	D21IMR2
6	Trương Thị Thùy	Dương	Nữ	18/06/2003	Vĩnh Phúc	2.67	Khá	D21IMR3
7	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	13/12/2003	Nam Định	3.10	Khá	D21IMR3
8	Vũ Thị Hương	Ly	Nữ	11/09/2003	Hà Tĩnh	2.94	Khá	D21IMR3
9	Bùi Thị Thanh	Hiền	Nữ	23/09/2002	Thanh Hóa	2.74	Khá	D21PMR1
10	Phạm Ngọc	Tùng	Nam	30/06/2003	Đà Nẵng	2.70	Khá	D21PMR1
11	Phạm Duy	Anh	Nam	12/11/2003	Hải Dương	2.59	Khá	D21PMR2

Danh sách gồm 11 sinh viên.

- Trong đó:
- Xuất sắc: 0 sinh viên
 - Giỏi: 3 sinh viên
 - Khá: 8 sinh viên
 - Trung bình: 0 sinh viên

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy
Hệ đào tạo: ĐHCQ (4 năm)
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội
Ngành đào tạo: Thương mại điện tử

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Lê Thị	Thùy	Nữ	21/07/2003	Vĩnh Phúc	3.20	Giỏi	D21CQTM01-B
2	Vũ Thị Minh	Anh	Nữ	28/04/2003	Thái Bình	3.21	Giỏi	D21CQTM02-B

Danh sách gồm 2 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 2 sinh viên
- Khá: 0 sinh viên
- Trung bình: 0 sinh viên

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Hệ đào tạo: **ĐHCQ (4 năm)**
Đơn vị đào tạo: **Cơ sở đào tạo Hà Nội**
Ngành đào tạo: **Công nghệ tài chính (Fintech)**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Lê Thị Ngọc Mai	Nữ	20/09/2003	Hà Tĩnh	3.20	Giỏi	D21CQTC01-B

Danh sách gồm 1 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên

- Giỏi: 1 sinh viên

- Khá: 0 sinh viên

- Trung bình: 0 sinh viên

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy
Hệ đào tạo: ĐHCQ (4 năm)
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội
Ngành đào tạo: Kế toán

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kim	Chung	Nữ	03/07/2003	Nghệ An	2.67	Khá	D21ACCA
2	Trần Phương	Trang	Nữ	21/06/2003	Hà Nội	3.21	Giỏi	D21CQKT01-B
3	Phạm Thị	Nga	Nữ	29/09/2003	Thanh Hóa	2.44	Trung bình	D21CQKT02-B
4	Hoàng Thu	Hà	Nữ	25/03/2003	Hải Dương	2.50	Khá	D21CQKT03-B

Danh sách gồm 4 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 1 sinh viên
- Khá: 2 sinh viên
- Trung bình: 1 sinh viên

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy
Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội
Ngành đào tạo: Truyền thông đa phương tiện

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Phạm Yến	Nhi	Nữ	24/02/1998	Hải Phòng	3.16	Khá	D16CQTT01-B
2	Ninh Trọng	Bảo	Nam	25/10/1999	Nam Định	3.00	Khá	D17CQTT01-B

Danh sách gồm 2 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 0 sinh viên
- Khá: 2 sinh viên
- Trung bình: 0 sinh viên

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy
Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội
Ngành đào tạo: Truyền thông Đa phương tiện

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Phạm Đình	Khoa	Nam	25/10/2002	Nam Định	2.91	Khá	D20CQTT01-B
2	Phạm Thị Minh	Phượng	Nữ	04/05/2002	Thái Bình	2.74	Khá	D20CQTT01-B
3	Nguyễn Minh	Quân	Nam	23/01/2002	Hà Nội	2.62	Khá	D20CQTT01-B
4	Vũ Thái	Dương	Nam	19/07/2002	Nam Định	2.90	Khá	D20CQTT02-B
5	Vũ Thị	Mai	Nữ	03/02/2002	Nam Định	3.20	Giỏi	D20CQTT02-B
6	Đỗ Nguyên	Phương	Nam	23/01/2002	Bắc Giang	3.37	Giỏi	D20CQTT02-B
7	Vũ Hoàng	Việt	Nam	13/11/2002	Nam Định	2.71	Khá	D20CQTT02-B

Danh sách gồm 7 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 2 sinh viên
- Khá: 5 sinh viên
- Trung bình: 0 sinh viên

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy
Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội
Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Vũ Phương	Anh	Nữ	02/02/2000	Hà Nội	2.53	Khá	D18TMDT2
2	Nguyễn Công	Hải	Nam	07/07/2000	Thái Bình	2.57	Khá	D18TMDT2
3	Nguyễn Minh	Thái	Nam	06/04/2000	Hà Nội	2.52	Khá	D18TMDT2
4	Ngân Thị Mai	Lan	Nữ	14/09/2001	Nghệ An	2.74	Khá	D19QTDN
5	Phạm Hoàng	Phúc	Nam	01/01/2001	Hải Phòng	2.41	Trung bình	D19QTDN
6	Nguyễn Thị	Ly	Nữ	05/06/2001	Nghệ An	2.74	Khá	D19TMDT2
7	Vũ Đình	Minh	Nam	22/12/2001	Hà Nội	2.08	Trung bình	D19TMDT3
8	La Văn	Đô	Nam	12/12/2002	Hà Tây	3.00	Khá	D20QTDN
9	Phan Lạc	Giang	Nam	06/11/2002	Hà Tây	2.51	Khá	D20QTDN
10	Lê Thị Thu	Hương	Nữ	22/03/2002	Nam Định	2.56	Khá	D20QTDN
11	Đào Doanh	Thái	Nam	05/12/2002	Hà Nội	2.77	Khá	D20QTDN
12	Phạm Quỳnh	Chi	Nữ	21/08/2002	Vĩnh Phúc	2.73	Khá	D20QTLG
13	Trần Thanh	Tùng	Nam	30/11/2002	Hà Nội	2.50	Khá	D20QTLG
14	Phan Văn	Chiến	Nam	29/10/2002	Nghệ An	2.50	Khá	D20TMDT
15	Bùi Minh	Khánh	Nam	30/09/2002	Hà Nội	2.30	Trung bình	D20TMDT

Danh sách gồm 15 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 0 sinh viên
- Khá: 12 sinh viên
- Trung bình: 3 sinh viên

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy
Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội
Ngành đào tạo: Marketing

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	02/12/1999	Nghệ An	2.70	Khá	D17IMR1
2	Mai Thị	Thu	Nữ	01/12/1999	Thanh Hoá	2.54	Khá	D17IMR2
3	Lê Minh	Hoàng	Nam	23/09/2000	Hà Nội	2.87	Khá	D18IMR1
4	Trần Thị Hồng	Hà	Nữ	21/03/2000	Nam Định	2.97	Khá	D18PMR
5	Trần Thị	Ngà	Nữ	25/06/2000	Bắc Giang	2.82	Khá	D18PMR
6	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	25/07/2000	Hà Nội	2.72	Khá	D18PMR
7	Đào Trung	Thành	Nam	01/06/2001	Hải Phòng	3.04	Khá	D19IMR2
8	Nguyễn Tuấn	Phong	Nam	08/09/2001	Bắc Ninh	2.48	Trung bình	D19PMR
9	Lương Thị Hồng	Nhung	Nữ	31/10/2002	Nam Định	2.49	Trung bình	D20IMR1
10	Lê Thị	Hằng	Nữ	20/03/2001	Thanh Hoá	2.59	Khá	D20IMR2
11	Nguyễn Tú	Anh	Nam	01/08/2002	Hải Phòng	2.94	Khá	D20PMR
12	Phạm Hữu	Dương	Nam	19/09/2002	Bắc Ninh	2.78	Khá	D20PMR
13	Phạm Trung	Kiên	Nam	23/06/2002	Hà Nội	2.75	Khá	D20PMR
14	Đắc Thị Hồng	Minh	Nữ	04/03/2002	Hà Tây	3.04	Khá	D20PMR
15	Ninh Thị	Vân	Nữ	30/06/2002	Nam Định	3.25	Giỏi	D20PMR

Danh sách gồm 15 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 1 sinh viên
- Khá: 12 sinh viên
- Trung bình: 2 sinh viên

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy
Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội
Ngành đào tạo: Thương mại điện tử

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Trần Trung	Nam	Nam	14/09/2000	Hà Nội	2.35	Trung bình	D18CQTM01-B
2	Nguyễn Duy	Chiều	Nam	01/03/2001	Bắc Ninh	2.94	Khá	D19CQTM02-B
3	Nguyễn Hữu	Quân	Nam	16/08/2001	Bắc Ninh	2.62	Khá	D19CQTM02-B
4	Trần Thị	Thêm	Nữ	09/02/2001	Thanh Hoá	3.28	Giỏi	D19CQTM02-B
5	Hoàng Minh	Hiếu	Nam	15/08/2002	Vĩnh Phúc	2.90	Khá	D20CQTM01-B

Danh sách gồm 5 sinh viên.

- Trong đó:
- Xuất sắc: 0 sinh viên
 - Giỏi: 1 sinh viên
 - Khá: 3 sinh viên
 - Trung bình: 1 sinh viên

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy
Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội
Ngành đào tạo: Kế toán

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Lê Minh	Phượng	Nữ	08/09/2001	Hà Tây	3.02	Khá	D19CQKT01-B
2	Phạm Việt	Hằng	Nữ	28/02/2000	Hải Dương	2.45	Trung bình	D19CQKT02-B
3	Trần Thị Mai	Linh	Nữ	16/08/2001	Nam Định	2.23	Trung bình	D19CQKT02-B
4	Ngô Thị Hoài	Thương	Nữ	01/06/2002	Nam Định	2.17	Trung bình	D20ACCA
5	Lê Mai	Bình	Nữ	19/06/2002	Thái Bình	2.68	Khá	D20CQKT01-B
6	Mai Thu	Huyền	Nữ	30/07/2002	Nam Định	2.00	Trung bình	D20CQKT01-B
7	Đỗ Thị Hương	Linh	Nữ	10/01/2002	Nam Định	2.69	Khá	D20CQKT01-B
8	Lưu Thị Kim	Cúc	Nữ	05/07/2002	Hà Tây	2.38	Trung bình	D20CQKT03-B
9	Mai Ngọc	Linh	Nữ	01/02/2002	Hà Nội	2.87	Khá	D20CQKT03-B
10	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	05/01/2002	Hà Tây	2.30	Trung bình	D20CQKT04-B

Danh sách gồm 10 sinh viên.
Trong đó:
- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 0 sinh viên
- Khá: 4 sinh viên
- Trung bình: 6 sinh viên

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy
Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội
Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCT	Xếp loại	Ghi chú
1	Vũ	Hùng	Nam	20/10/1997	Thanh Hoá	2.06	Trung bình	D15HTTT2
2	Vũ Anh	Duy	Nam	29/01/1998	TP Hồ Chí Minh	2.12	Trung bình	D16CNPM4
3	Tạ Ngọc	Sơn	Nam	17/03/1998	Hà Tây	2.42	Trung bình	D16CNPM4
4	Phạm Quang	Chiến	Nam	25/11/1998	Nam Định	2.12	Trung bình	D16HTTT3
5	Linda	Sipaseuth	Nữ	15/10/1998	CHND Lào	2.01	Trung bình	D16HTTT4

Danh sách gồm 5 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 0 sinh viên
- Khá: 0 sinh viên
- Trung bình: 5 sinh viên

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy
Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội
Ngành đào tạo: An toàn thông tin

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Phạm Lê	Duy	Nam	11/09/1997	Hải Phòng	2.39	Trung bình	D15CQAT02-B
2	Lưu Hoàng	Duy	Nam	29/04/1998	Thanh Hóa	2.10	Trung bình	D16CQAT03-B
3	Lưu Huỳnh	Đức	Nam	16/05/1997	Hòa Bình	2.00	Trung bình	D16CQAT03-B
4	Trịnh Tuấn	Cường	Nam	24/12/1998	Thanh Hóa	2.74	Khá	D16CQAT04-B
5	Trần Quốc	Định	Nam	28/04/1997	Thanh Hoá	2.18	Trung bình	D17CQAT02-B
6	Dương Minh	Cường	Nam	20/07/1999	Vĩnh Phúc	2.10	Trung bình	D17CQAT04-B
7	Vũ Lê	Long	Nam	18/05/1999	Phú Thọ	2.03	Trung bình	D17CQAT04-B
8	Dương Văn	Chung	Nam	23/01/2000	Nam Định	2.40	Trung bình	D18CQAT01-B
9	Trương Thành	Long	Nam	07/05/2000	Quảng Ninh	2.52	Khá	D18CQAT01-B
10	Đỗ Thiện	Bính	Nam	03/11/2000	Bắc Ninh	2.54	Khá	D18CQAT02-B
11	Lê Văn	Đoàn	Nam	03/04/2000	Ninh Bình	2.55	Khá	D18CQAT02-B
12	Nguyễn Long	Hải	Nam	17/09/2000	Bắc Giang	2.52	Khá	D18CQAT02-B
13	Nguyễn Văn	Đức	Nam	09/12/2000	Nam Định	2.43	Trung bình	D18CQAT03-B
14	Bùi Huy	Hoàng	Nam	29/05/2000	Thái Bình	2.33	Trung bình	D18CQAT03-B
15	Nguyễn Ngọc	Khoa	Nam	30/05/2000	Hà Nam	2.23	Trung bình	D18CQAT03-B

Danh sách gồm 15 sinh viên.
Trong đó:
- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 0 sinh viên
- Khá: 5 sinh viên
- Trung bình: 10 sinh viên

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy
Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội
Ngành đào tạo: Công nghệ đa phương tiện

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Lê Thanh	Quang	Nam	24/10/1998	Hà Tây	2.37	Trung bình	D16PTDPT
2	Nguyễn Đức Tùng	Sơn	Nam	12/05/1999	Hà Tây	2.58	Khá	D17PTDPT1
3	Nguyễn Văn	Trường	Nam	01/09/1999	Thái Bình	2.93	Khá	D17PTDPT1
4	Nguyễn Thị Hải	Linh	Nữ	14/11/2000	Hải Dương	2.56	Khá	D18PTDPT2
5	Vũ Trung	Hiếu	Nam	16/12/2000	Quảng Ninh	2.56	Khá	D18TKDPT1
6	Nguyễn Văn	Lợi	Nam	27/04/2000	Hà Nội	2.86	Khá	D18TKDPT2

Danh sách gồm 6 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên

- Giỏi: 0 sinh viên

- Khá: 5 sinh viên

- Trung bình: 1 sinh viên

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy
Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội
Ngành đào tạo: Công nghệ Kỹ thuật điện - điện tử

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Phạm Quang	Phong	Nam	24/04/1997	Nam Định	2.71	Khá	D15DTMT1
2	Nguyễn Hải	Sơn	Nam	01/11/1998	Hải Phòng	2.14	Trung bình	D16DTMT
3	Nguyễn Thanh	Loan	Nữ	30/01/1998	Vĩnh Phúc	2.51	Khá	D16XLTH2
4	Sầm Ngọc	Trung	Nam	18/07/1998	Thái Nguyên	2.03	Trung bình	D16XLTH2
5	Bùi Minh	Hiệu	Nam	06/02/1999	Hà Tây	2.14	Trung bình	D17DTMT2
6	Nguyễn Quốc	Kiên	Nam	05/09/1999	Thanh Hoá	2.17	Trung bình	D17DTMT2
7	Nguyễn Văn	Long	Nam	30/05/1998	Hải Dương	2.40	Trung bình	D17DTMT2
8	Trần Thu	Thủy	Nữ	17/09/1999	Phú Thọ	2.43	Trung bình	D17DTMT2
9	Nguyễn Đăng Huy	Hoàng	Nam	15/05/1999	Hải Dương	2.24	Trung bình	D17XLTH1
10	Bùi Xuân	Tuấn	Nam	10/04/1999	Thanh Hoá	2.54	Khá	D17XLTH2
11	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	07/01/1999	Hải Phòng	2.43	Trung bình	D17XLTH2

Danh sách gồm 11 sinh viên.
Trong đó:
- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 0 sinh viên
- Khá: 3 sinh viên
- Trung bình: 8 sinh viên

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy
Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội
Ngành đào tạo: Công nghệ Đa phương tiện

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Lê Thị	Hưng	Nữ	14/12/2001	Thanh Hoá	2.58	Khá	D19PTDPT
2	Nguyễn Công	Quyền	Nam	14/07/2001	Bắc Ninh	2.71	Khá	D19TKDPT1
3	Trần Quang	Anh	Nam	03/01/2001	Hà Nội	2.82	Khá	D19TKDPT2
4	Trần Khánh	Linh	Nữ	10/01/2001	Vĩnh Phúc	2.86	Khá	D19TKDPT2
5	Nguyễn Nhật	Long	Nam	15/08/2001	Phú Thọ	2.61	Khá	D19TKDPT3
6	Lê Trọng	Dương	Nam	15/07/2002	Hà Tây	3.60	Xuất sắc	D20PTDPT
7	Phạm Đắc	Hiếu	Nam	03/07/2002	Hà Nội	3.04	Khá	D20PTDPT
8	Vũ Đình	Hùng	Nam	18/02/2002	Nam Định	2.90	Khá	D20PTDPT
9	Trần Trung	Kiên	Nam	14/10/2002	Nam Định	3.11	Khá	D20PTDPT
10	Phạm Đăng	Biên	Nam	15/09/2002	Thái Bình	2.98	Khá	D20TKDPT1
11	Trần Đức	Kiên	Nam	11/07/2001	Hà Nội	3.26	Giỏi	D20TKDPT1
12	Trần Thị Thanh	Mai	Nữ	06/12/2002	Hà Nội	3.02	Khá	D20TKDPT1
13	Vũ Văn	Nhật	Nam	30/10/2002	Hải Dương	2.91	Khá	D20TKDPT1
14	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	03/04/2002	Nam Định	2.55	Khá	D20TKDPT1
15	Nguyễn Duy	Bách	Nam	21/01/2002	Nam Định	2.68	Khá	D20TKDPT2
16	Vũ Hoàng	Hải	Nam	02/09/2002	Nam Định	2.73	Khá	D20TKDPT2
17	Đỗ Quốc	Hưng	Nam	06/05/2002	Thái Bình	2.69	Khá	D20TKDPT2
18	Nguyễn Việt	Hưng	Nam	07/12/2002	Hà Tây	2.71	Khá	D20TKDPT2
19	Lê Thanh	Lam	Nữ	27/08/2002	Hà Nội	3.36	Giỏi	D20TKDPT2
20	Bùi Thành	Nam	Nam	05/03/2002	Vĩnh Phúc	2.80	Khá	D20TKDPT2
21	Bùi Thị Kim	Ngân	Nữ	24/07/2002	Lào Cai	2.97	Khá	D20TKDPT2
22	Phạm Thị	Ngọc	Nữ	18/10/2002	Ninh Bình	3.05	Khá	D20TKDPT2
23	Nguyễn Đức	Tùng	Nam	04/09/2002	Thái Bình	2.81	Khá	D20TKDPT2
24	Bùi Minh	Dũng	Nam	26/02/2002	Hải Dương	2.75	Khá	D20TKDPT3
25	Nguyễn Hoàng	Dương	Nam	12/03/2002	Hà Tây	3.07	Khá	D20TKDPT3
26	Bùi Văn	Đạo	Nam	19/04/2002	Vĩnh Phúc	2.65	Khá	D20TKDPT3
27	Nguyễn Vũ Tài	Khải	Nam	20/03/2002	Hải Dương	2.63	Khá	D20TKDPT3
28	Ngô Bảo	Khánh	Nam	25/08/2002	Bắc Ninh	2.40	Trung bình	D20TKDPT3
29	Dương Văn	Minh	Nam	18/03/2002	Nam Định	3.02	Khá	D20TKDPT3
30	Nguyễn Thanh	Thư	Nữ	10/02/2002	Nam Định	2.88	Khá	D20TKDPT3
31	Lê Nguyên	Thực	Nam	20/05/2002	Thanh Hoá	2.78	Khá	D20TKDPT3

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBC	Xếp loại	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	----------	------	----------	---------

Danh sách gồm 31 sinh viên.

Trong đó:

- *Xuất sắc: 1 sinh viên*
- *Giỏi: 2 sinh viên*
- *Khá: 27 sinh viên*
- *Trung bình: 1 sinh viên*

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy
Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội
Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Trịnh Văn	Đạt	Nam	09/03/1999	Thái Bình	2.90	Khá	D17CNPM1
2	Nguyễn Xuân	Lộc	Nam	16/02/1999	Phú Thọ	2.20	Trung bình	D17CNPM1
3	Bùi Xuân	Thái	Nam	10/09/1999	Nam Định	2.02	Trung bình	D17CNPM1
4	Trần Tuấn	Anh	Nam	16/02/1999	Nam Định	2.51	Khá	D17CNPM2
5	Phan Văn	Ba	Nam	11/04/1998	Nam Định	2.16	Trung bình	D17CNPM2
6	Nguyễn Ngọc	Quang	Nam	13/11/1999	Ninh Bình	2.37	Trung bình	D17CNPM3
7	Anousone	Sengsingkeo	Nam	11/10/1998	CHDCND Lào	2.09	Trung bình	D17CNPM4
8	Kiều Vũ	Trình	Nam	28/03/1999	Hà Tây	2.61	Khá	D17CNPM5
9	Lê Anh	Tối	Nam	08/04/1999	Thái Bình	2.32	Trung bình	D17HTTT1
10	Nguyễn Văn	Chiến	Nam	30/11/1999	Nam Định	2.50	Khá	D17HTTT6
11	Trần Hữu	Đạt	Nam	15/01/1999	Bắc Ninh	2.38	Trung bình	D17HTTT6
12	Bùi Văn	Đông	Nam	22/05/1998	Hà Tây	2.72	Khá	D17HTTT6
13	Vũ Trọng	Duy	Nam	05/09/2000	Hải Phòng	2.16	Trung bình	D18CNPM2
14	Nguyễn Lan	Hương	Nữ	15/09/2000	Thái Bình	2.78	Khá	D18CNPM2
15	Nguyễn Thành	Long	Nam	04/04/2000	Hà Tây	2.51	Khá	D18CNPM2
16	Lê Đắc	Anh	Nam	15/09/2000	Hà Tây	3.27	Giỏi	D18CNPM3
17	Nguyễn Giản	Tuấn	Nam	20/01/2000	Hà Nội	2.19	Trung bình	D18CNPM3
18	Nguyễn Duy	Long	Nam	02/10/2000	Hà Tây	2.04	Trung bình	D18CNPM5
19	Đỗ Đức	Nghĩa	Nam	29/09/2000	Ninh Bình	2.36	Trung bình	D18CNPM5
20	Phạm Quang	Anh	Nam	06/06/2000	Thái Bình	2.53	Khá	D18HTTT1
21	Đào Cao	Minh	Nam	24/10/2000	Ninh Bình	2.00	Trung bình	D18HTTT2
22	Hoàng Văn	Nam	Nam	08/12/2000	Hải Phòng	2.29	Trung bình	D18HTTT2
23	Cao Hoàng	Anh	Nam	24/04/2000	Nghệ An	2.61	Khá	D18HTTT3
24	Nguyễn Văn	Hòa	Nam	18/04/2000	Hà Tây	2.83	Khá	D18HTTT3
25	Hồ Đức	Thịnh	Nam	23/11/2000	Hải Phòng	2.06	Trung bình	D18HTTT3
26	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	10/04/1999	Thanh Hoá	2.65	Khá	D18HTTT5
27	Nguyễn Văn	Hiệu	Nam	16/01/2000	Thanh Hoá	2.14	Trung bình	D18HTTT6
28	Nguyễn Quang	Thiện	Nam	15/03/2000	Hải Phòng	2.01	Trung bình	D18HTTT6
29	Ngô Đức	Thành	Nam	04/03/2001	Hà Tĩnh	2.70	Khá	D19CNPM1
30	Lê Duy	Thịnh	Nam	01/09/2001	Thanh Hoá	2.17	Trung bình	D19CNPM1
31	Lê Quốc	Trị	Nam	22/10/2001	Hà Nội	2.17	Trung bình	D19CNPM2

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
32	Phạm Xuân	Trường	Nam	26/03/2001	Thái Bình	2.34	Trung bình	D19CNPM2
33	Nguyễn Văn	Việt	Nam	28/12/2001	Hà Tây	2.35	Trung bình	D19CNPM2
34	Phùng Đức	Cường	Nam	26/10/2001	Hà Nội	2.65	Khá	D19CNPM3
35	Trần Khương	Duy	Nam	05/11/2001	ĐăkLăk	2.19	Trung bình	D19CNPM4
36	Nguyễn Thế	Đạt	Nam	19/02/2001	Hải Dương	2.52	Khá	D19CNPM4
37	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	10/01/2001	Hà Tĩnh	2.40	Trung bình	D19CNPM5
38	Đào Phúc	Hải	Nam	13/11/2001	Hà Tây	2.54	Khá	D19CNPM5
39	Nguyễn Duy	Hiếu	Nam	04/01/2001	Hà Nội	2.58	Khá	D19CNPM7
40	Phùng Thanh	Nam	Nam	11/01/2001	Hà Nội	2.39	Trung bình	D19CNPM8
41	Lại An	Nguyên	Nam	23/10/2001	Hải Phòng	2.40	Trung bình	D19CNPM8
42	Tạ Đức	Phong	Nam	18/01/2001	Hà Tây	2.62	Khá	D19CNPM8
43	Nguyễn Đình	Quân	Nam	08/11/2001	Quảng Ninh	2.23	Trung bình	D19CNPM8
44	Nguyễn Hồng Sơn	Anh	Nam	01/10/2001	Hà Nam	2.91	Khá	D19HTTT1
45	Trần Văn	Công	Nam	01/01/2001	Nam Định	2.52	Khá	D19HTTT1
46	Phạm Thị Ngọc	Diễm	Nữ	14/03/2001	Nam Định	2.93	Khá	D19HTTT1
47	Nguyễn Công	Toàn	Nam	29/05/2001	Hà Tây	2.24	Trung bình	D19HTTT1
48	Nguyễn Huy	Đạt	Nam	25/11/2001	Hải Dương	2.13	Trung bình	D19HTTT2
49	Nguyễn Văn	Sơn	Nam	24/02/2001	Phú Thọ	2.58	Khá	D19HTTT2
50	Phan Duy	Thái	Nam	09/06/2001	Nam Định	2.69	Khá	D19HTTT2
51	Trần Minh	Hoàn	Nam	08/11/2001	Nam Định	2.16	Trung bình	D19HTTT3
52	Vương Đình	Doanh	Nam	18/10/2001	Hải Dương	2.65	Khá	D19HTTT4
53	Bùi Xuân	Đạt	Nam	23/08/2001	Thái Bình	2.33	Trung bình	D19HTTT4
54	Trần Quang	Hưng	Nam	06/02/2001	Nam Định	2.22	Trung bình	D19HTTT4
55	Phan Văn	Thanh	Nam	12/10/2001	Nam Định	2.95	Khá	D19HTTT4
56	Nguyễn Đức	Anh	Nam	02/07/2002	Hà Nội	2.18	Trung bình	D20CNPM1
57	Dương Quang	Dự	Nam	12/04/2002	Phú Thọ	2.74	Khá	D20CNPM1
58	Nguyễn Đức	Hải	Nam	05/01/2002	Hải Dương	2.52	Khá	D20CNPM1
59	Lê Minh	Sơn	Nam	26/06/2002	Lạng Sơn	2.58	Khá	D20CNPM1
60	Nguyễn Phú	Tâm	Nam	30/01/2002	Hà Nam	2.71	Khá	D20CNPM1
61	Nguyễn Tiến	Anh	Nam	22/06/2002	Hà Nội	2.74	Khá	D20CNPM2
62	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	15/08/2002	Hà Nội	2.87	Khá	D20CNPM2
63	Vũ Xuân	Hoài	Nam	28/10/2002	Thái Bình	2.59	Khá	D20CNPM2
64	Nguyễn Doãn	Hưng	Nam	28/11/2002	Hà Nội	2.57	Khá	D20CNPM2
65	Đặng Tuấn	Khải	Nam	08/03/2002	Hà Tây	2.50	Khá	D20CNPM2
66	Đỗ Duy	Kiên	Nam	19/12/2002	Hà Nội	3.52	Giỏi	D20CNPM2
67	Phạm Văn	Lực	Nam	05/08/2002	Nam Định	2.56	Khá	D20CNPM2
68	Đỗ Việt	Phương	Nam	05/11/2002	Vĩnh Phúc	2.66	Khá	D20CNPM2
69	Trần Lê Chiến	Thắng	Nam	22/04/2002	Hà Tây	2.53	Khá	D20CNPM2

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
70	Lương Nhật	Tuấn	Nam	22/12/2002	Thái Bình	2.92	Khá	D20CNPM2
71	Nguyễn Long	Vũ	Nam	01/06/2002	Hà Tây	2.57	Khá	D20CNPM2
72	Nguyễn Huy	Du	Nam	08/01/2002	Nam Định	2.53	Khá	D20CNPM3
73	Lưu Văn	Dũng	Nam	01/03/2002	Bắc Giang	2.83	Khá	D20CNPM3
74	Phạm Tiến	Hải	Nam	06/01/2002	Thái Bình	2.71	Khá	D20CNPM3
75	Đinh Bá	Hùng	Nam	30/09/2002	Bắc Ninh	2.88	Khá	D20CNPM3
76	Bùi Văn	Huy	Nam	12/02/2002	Thái Bình	2.53	Khá	D20CNPM3
77	Nguyễn Quang	Huy	Nam	23/08/2002	Phú Thọ	3.36	Giỏi	D20CNPM3
78	Trần Quang	Huy	Nam	02/11/2002	Nam Định	2.63	Khá	D20CNPM3
79	Phạm Quốc	Khánh	Nam	10/02/2002	Thái Bình	2.99	Khá	D20CNPM3
80	Trần Đình	Lương	Nam	14/05/2002	Thanh Hoá	3.04	Khá	D20CNPM3
81	Phạm Hồng	Phong	Nam	10/03/2002	Hà Tĩnh	3.27	Giỏi	D20CNPM3
82	Nguyễn Ngọc	Quang	Nam	29/06/2001	Thái Bình	2.71	Khá	D20CNPM3
83	Đỗ Hoàng	Quân	Nam	05/11/2002	Thái Bình	2.95	Khá	D20CNPM3
84	Phan Văn	Thi	Nam	31/05/2002	Hung Yên	3.04	Khá	D20CNPM3
85	Trần Thị Hồng	Trang	Nữ	26/03/2002	Thái Bình	3.24	Giỏi	D20CNPM3
86	Nguyễn Đức	Anh	Nam	23/05/2002	Hà Tây	2.67	Khá	D20CNPM4
87	Phạm Minh	Điệp	Nam	23/04/2002	Thanh Hoá	2.87	Khá	D20CNPM4
88	Phan Anh	Hiếu	Nam	27/09/2002	Thái Bình	2.51	Khá	D20CNPM4
89	Lê Nhật	Hoàng	Nam	24/04/2002	Nam Định	2.78	Khá	D20CNPM4
90	Bùi Hồng	Sơn	Nam	18/10/2002	Hoà Bình	2.38	Trung bình	D20CNPM4
91	Nguyễn Hoàng	Việt	Nam	10/05/2002	Hải Dương	2.70	Khá	D20CNPM4
92	Đỗ Hoàn	Cao	Nam	27/09/2002	Hà Tây	2.51	Khá	D20CNPM5
93	Vũ Đức	Chính	Nam	14/02/2002	Vĩnh Phúc	2.56	Khá	D20CNPM5
94	Nguyễn Văn	Mạnh	Nam	05/05/2002	Ninh Bình	3.21	Giỏi	D20CNPM5
95	Nguyễn Khánh	Nam	Nam	01/10/2002	Bắc Ninh	2.51	Khá	D20CNPM5
96	Đặng Đình	Nguyên	Nam	25/08/2002	Hà Tây	2.90	Khá	D20CNPM5
97	Nguyễn Hồng	Quân	Nam	22/04/2002	Hà Nam	2.56	Khá	D20CNPM5
98	Nguyễn Thế	Quý	Nam	31/12/2002	Thái Nguyên	2.58	Khá	D20CNPM5
99	Bùi Cao	Thắng	Nam	29/05/2002	Hà Tây	2.69	Khá	D20CNPM5
100	Nguyễn Minh	Tuân	Nam	26/11/2002	Hà Nội	2.51	Khá	D20CNPM5
101	Nguyễn Thành	Chung	Nam	02/05/2002	Nam Định	2.66	Khá	D20CNPM6
102	Nguyễn Duy	Hiếu	Nam	02/12/2002	Hà Nội	3.59	Giỏi	D20CNPM6
103	Vũ Xuân	Hội	Nam	19/05/2002	Hà Nội	2.73	Khá	D20CNPM6
104	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	14/07/2002	Ninh Bình	2.82	Khá	D20CNPM6
105	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	25/08/2002	Hà Nam	3.61	Xuất sắc	D20CNPM6
106	Nguyễn Thành	Long	Nam	01/01/2002	Thái Bình	2.80	Khá	D20CNPM6
107	Trịnh Xuân	Quang	Nam	01/02/2002	Thanh Hoá	2.56	Khá	D20CNPM6

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
108	Phạm Quốc	Việt	Nam	29/12/2002	Hà Nội	2.60	Khá	D20CNPM6
109	Đào Quang	Duy	Nam	22/10/2002	Thái Bình	2.59	Khá	D20HTTT1
110	Nguyễn Thái	Hòa	Nam	26/10/2002	Vĩnh Phúc	2.64	Khá	D20HTTT1
111	Vũ Xuân	Hòa	Nam	24/03/2002	Nam Định	2.67	Khá	D20HTTT1
112	Đỗ Minh	Khuê	Nam	19/07/2002	Hà Tây	2.48	Trung bình	D20HTTT1
113	Lê Công	Minh	Nam	24/03/2002	Hà Tây	2.42	Trung bình	D20HTTT1
114	Trần Đăng	Thành	Nam	24/01/2002	Nam Định	2.56	Khá	D20HTTT1
115	Nguyễn Đình	Trung	Nam	16/07/2002	Nam Định	2.51	Khá	D20HTTT1
116	Phan Kế Vũ	Hoàng	Nam	26/04/2002	Hải Phòng	2.48	Trung bình	D20HTTT2
117	Nguyễn Quang	Huy	Nam	05/02/2002	Cà Mau	2.74	Khá	D20HTTT2
118	Hoàng Trọng	Lâm	Nam	06/09/2002	Hà Nam	2.39	Trung bình	D20HTTT2
119	Nguyễn Quang	Minh	Nam	02/08/2002	Hải Dương	2.91	Khá	D20HTTT2
120	Trần Hữu	Nhật	Nam	16/12/2002	Nghệ An	3.33	Giỏi	D20HTTT2
121	Hoàng Trọng	Phúc	Nam	22/07/2002	Lai Châu	2.44	Trung bình	D20HTTT2
122	Nguyễn Văn	Thuấn	Nam	29/12/2002	Thái Bình	2.33	Trung bình	D20HTTT2
123	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	27/08/2002	Nghệ An	2.35	Trung bình	D20HTTT2
124	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	12/06/2002	Hà Nội	2.54	Khá	D20HTTT2
125	Khúc Văn	Vinh	Nam	09/10/2002	Hà Tây	2.56	Khá	D20HTTT2
126	Phạm Minh	Đức	Nam	23/11/2002	Hà Nội	2.54	Khá	D20HTTT3
127	Phạm Thị Thanh	Hảo	Nữ	24/04/2001	Hung Yên	2.86	Khá	D20HTTT3
128	Trần Minh	Quang	Nam	21/01/2002	Hà Tĩnh	2.26	Trung bình	D20HTTT3
129	Nguyễn Phú	Tiến	Nam	06/10/2002	Hoà Bình	2.25	Trung bình	D20HTTT3
130	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	24/05/2002	Vĩnh Phúc	3.14	Khá	D20HTTT4
131	Phạm Quốc	Cường	Nam	17/07/2002	Thái Bình	2.47	Trung bình	D20HTTT4
132	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	09/11/2002	Hà Nam	2.29	Trung bình	D20HTTT4
133	Phạm Văn	Huy	Nam	07/07/2002	Bắc Giang	2.71	Khá	D20HTTT4
134	Hoàng Đức	Mạnh	Nam	12/01/2002	Bắc Giang	2.24	Trung bình	D20HTTT4
135	Lê Thành	Trung	Nam	10/11/2002	Hà Nội	2.52	Khá	D20HTTT4
136	Nguyễn Văn	Trường	Nam	25/01/2001	Hải Dương	2.50	Khá	D20HTTT4
137	Cao Minh	Vũ	Nam	25/08/2002	Vĩnh Phúc	2.33	Trung bình	D20HTTT4
138	Trương Tuấn	Anh	Nam	14/04/2002	Ninh Bình	2.51	Khá	D20HTTT5
139	Nguyễn Khánh	Đức	Nam	02/09/2002	Hoà Bình	2.52	Khá	D20HTTT5
140	Trần Đình	Hải	Nam	07/01/2002	Nghệ An	2.27	Trung bình	D20HTTT5
141	Vũ Minh	Hiếu	Nam	08/05/2002	Hải Phòng	2.57	Khá	D20HTTT5
142	Nguyễn Quang	Huy	Nam	13/10/2002	Hà Nam	2.61	Khá	D20HTTT5
143	Viên Ngọc	Kỳ	Nam	28/01/2001	Hà Giang	2.20	Trung bình	D20HTTT5
144	Nguyễn Hữu	Mạnh	Nam	10/06/2002	Hà Tây	2.34	Trung bình	D20HTTT5
145	Nguyễn Hải	Phong	Nam	17/08/2002	Hung Yên	2.50	Khá	D20HTTT5

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
146	Nguyễn Đắc	Quang	Nam	27/04/2002	Bắc Ninh	2.14	Trung bình	D20HTTT5
147	Cao Tiến	Thành	Nam	12/05/2002	Hà Tây	2.53	Khá	D20HTTT5
148	Hoàng Văn	An	Nam	10/05/2002	Thanh Hoá	2.53	Khá	D20HTTT6
149	Nguyễn Xuân	Anh	Nam	05/01/2002	Bắc Giang	2.51	Khá	D20HTTT6
150	Phan Anh	Đức	Nam	11/09/2002	Thanh Hoá	2.53	Khá	D20HTTT6
151	Lê Thanh	Hiệp	Nam	10/04/2002	Hà Nội	2.62	Khá	D20HTTT6
152	Nguyễn Đức	Hòa	Nam	16/03/2002	Tuyên Quang	2.54	Khá	D20HTTT6
153	Trần Đình	Phúc	Nam	06/08/2002	Vĩnh Phúc	2.26	Trung bình	D20HTTT6
154	Lê Xuân	Vũ	Nam	27/09/2002	Thanh Hoá	2.27	Trung bình	D20HTTT6

Danh sách gồm 154 sinh viên.

Trong đó:

- *Xuất sắc: 1 sinh viên*
- *Giỏi: 8 sinh viên*
- *Khá: 94 sinh viên*
- *Trung bình: 51 sinh viên*

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy
Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội
Ngành đào tạo: An toàn thông tin

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Kiều Khánh	Duy	Nam	05/01/2001	Phú Thọ	2.36	Trung bình	D19CQAT01-B
2	Vũ Mạnh	Dương	Nam	24/01/2001	Thái Bình	2.97	Khá	D19CQAT01-B
3	Ngô Minh	Sỹ	Nam	07/08/2001	Bắc Ninh	2.32	Trung bình	D19CQAT01-B
4	Đỗ Phạm	Hòa	Nam	11/10/2001	Hà Nội	2.86	Khá	D19CQAT02-B
5	Trần Thanh	Nhàn	Nữ	26/01/2001	Hà Tây	3.18	Khá	D19CQAT02-B
6	Đào Cường	Thịnh	Nam	22/03/2001	Hải Dương	2.80	Khá	D19CQAT02-B
7	Nguyễn Công	Mạnh	Nam	27/01/2001	Hải Dương	2.53	Khá	D19CQAT03-B
8	Nguyễn Quang	Tú	Nam	15/10/2001	Hà Nội	2.07	Trung bình	D19CQAT03-B
9	Trần Minh	Đức	Nam	18/02/2001	Hà Nam	2.52	Khá	D19CQAT04-B
10	Trương Công	Sơn	Nam	03/03/2001	Phú Thọ	2.32	Trung bình	D19CQAT04-B
11	Phạm Tiến	Thành	Nam	06/05/2001	Ninh Bình	2.17	Trung bình	D19CQAT04-B
12	Hoàng Đình	Dương	Nam	15/04/2002	Thanh Hoá	2.53	Khá	D20CQAT01-B
13	Phạm Vũ Minh	Hiếu	Nam	30/10/2002	Ninh Bình	2.66	Khá	D20CQAT01-B
14	Nguyễn Đình	Hình	Nam	06/05/2002	Hải Dương	2.52	Khá	D20CQAT01-B
15	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	19/09/2002	Ninh Bình	2.80	Khá	D20CQAT01-B
16	Nguyễn Trọng	Huy	Nam	05/04/2002	Thanh Hoá	3.23	Giỏi	D20CQAT01-B
17	Vương Trung	Kiên	Nam	19/11/2002	Hà Nội	2.20	Trung bình	D20CQAT01-B
18	Nguyễn Quang	Minh	Nam	18/06/2002	Hàn Quốc	2.40	Trung bình	D20CQAT01-B
19	Nguyễn Quốc	Quân	Nam	28/12/2002	Hà Tây	2.83	Khá	D20CQAT01-B
20	Hoàng Minh	Tâm	Nam	26/05/2002	Quảng Ninh	2.25	Trung bình	D20CQAT01-B
21	Nguyễn Hà	Thanh	Nam	09/09/2002	Hà Nội	2.85	Khá	D20CQAT01-B
22	Đào Trọng	Bách	Nam	27/08/2002	Nam Định	2.51	Khá	D20CQAT02-B
23	Nguyễn Quý	Dương	Nam	13/08/2002	Hà Nội	2.76	Khá	D20CQAT02-B
24	Đỗ Thành	Luân	Nam	05/03/2002	Thái Nguyên	2.50	Khá	D20CQAT02-B
25	Vũ Thị	Nguyệt	Nữ	21/11/2002	Bắc Giang	2.86	Khá	D20CQAT02-B
26	Phạm Khắc	Phong	Nam	01/04/2002	Hải Dương	2.99	Khá	D20CQAT02-B
27	Vũ Ngọc	Phương	Nam	01/03/2002	Hoà Bình	3.38	Giỏi	D20CQAT02-B
28	Đỗ Ngọc	Sơn	Nam	21/10/2002	Vĩnh Phúc	2.54	Khá	D20CQAT02-B
29	Đào Thị	Thảo	Nữ	16/08/2002	Hưng Yên	2.62	Khá	D20CQAT02-B
30	Trần Đăng	Thức	Nam	28/01/2002	Hưng Yên	2.70	Khá	D20CQAT02-B
31	Bùi Quang	Anh	Nam	09/07/2002	Hà Nội	2.94	Khá	D20CQAT03-B

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
32	Đào Văn	Chung	Nam	20/04/2002	Hưng Yên	2.62	Khá	D20CQAT03-B
33	Phạm Minh	Đức	Nam	07/02/2002	Hưng Yên	2.54	Khá	D20CQAT03-B
34	Phạm Quang	Huy	Nam	27/04/2002	Nam Định	2.40	Trung bình	D20CQAT03-B
35	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	03/11/2002	Bắc Ninh	2.57	Khá	D20CQAT03-B
36	Đào Văn	Lâm	Nam	09/05/2002	Bắc Ninh	2.75	Khá	D20CQAT03-B
37	Chu Quang	Long	Nam	13/07/2002	Bắc Ninh	2.99	Khá	D20CQAT03-B
38	Nguyễn Đức	Minh	Nam	28/05/2002	Hà Tây	2.55	Khá	D20CQAT03-B
39	Lê Minh	Quân	Nam	05/08/2002	Thanh Hoá	2.51	Khá	D20CQAT03-B
40	Phạm Văn	Thọ	Nam	26/04/2002	Bắc Giang	2.71	Khá	D20CQAT03-B
41	Tổng Văn	Toàn	Nam	29/12/2002	Nam Định	2.37	Trung bình	D20CQAT03-B
42	Lê Anh	Vũ	Nam	14/04/2002	Nam Định	2.52	Khá	D20CQAT03-B
43	Phạm Văn	Huy	Nam	15/08/2002	Hà Nam	2.54	Khá	D20CQAT04-B

Danh sách gồm 43 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 2 sinh viên
- Khá: 31 sinh viên
- Trung bình: 10 sinh viên

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy
Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội
Ngành đào tạo: Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Hà Minh	Đức	Nam	23/08/2000	Ninh Bình	3.30	Giỏi	D18DTMT1
2	Trần Đình	Khiêm	Nam	08/10/2000	Hà Tây	2.68	Khá	D18DTMT1
3	Nguyễn Gia	Toàn	Nam	07/01/2000	Bắc Ninh	2.25	Trung bình	D18DTMT1
4	Nguyễn Văn	Tiến	Nam	09/05/2000	Hà Tây	3.14	Khá	D18DTMT2
5	Phạm Hoàng	Long	Nam	04/10/2000	Thanh Hoá	2.75	Khá	D18XLTH1
6	Đinh Anh	Tuấn	Nam	17/03/2000	Quảng Ninh	2.80	Khá	D18XLTH1
7	Lê Thanh	An	Nam	13/07/2001	Hà Nội	2.53	Khá	D19DTMT1
8	Nhữ Thái	Khôi	Nam	04/12/2001	Hải Dương	2.56	Khá	D19DTMT1
9	Đỗ Nhật	Minh	Nam	16/09/2001	Lào Cai	2.37	Trung bình	D19DTMT1
10	Trần Ngọc	Tiến	Nam	28/08/2001	Hà Nội	2.13	Trung bình	D19DTMT1
11	Nguyễn Nam	Trường	Nam	20/10/2001	Hà Tây	2.56	Khá	D19DTMT1
12	Trần Quốc	Tân	Nam	06/09/2001	Nam Định	2.60	Khá	D19DTMT2
13	Nguyễn Duy	Đức	Nam	07/01/2001	Thái Bình	2.51	Khá	D19DTMT3
14	Nguyễn Văn Minh	Mạnh	Nam	30/11/2001	Bắc Ninh	3.06	Khá	D19DTMT3
15	Phan Đào Anh	Vũ	Nam	07/05/2001	Hà Tĩnh	2.55	Khá	D19XLTH
16	Hoàng Tuấn	Anh	Nam	15/11/2002	Ninh Bình	2.23	Trung bình	D20DTMT1
17	Phạm Thành	Đạt	Nam	12/07/2002	Thái Bình	2.52	Khá	D20DTMT1
18	Bùi Ngọc	Đức	Nam	22/12/2002	Thái Bình	2.53	Khá	D20DTMT1
19	Nguyễn Minh	Đức	Nam	11/06/2002	Hà Nội	2.35	Trung bình	D20DTMT1
20	Đỗ Văn	Hào	Nam	01/05/2002	Vĩnh Phúc	2.06	Trung bình	D20DTMT1
21	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	23/02/2002	Hải Dương	2.18	Trung bình	D20DTMT1
22	Vũ Văn	Mười	Nam	19/03/2002	Hải Dương	2.56	Khá	D20DTMT1
23	Nguyễn Quốc	Trọng	Nam	28/03/2002	Hải Dương	2.23	Trung bình	D20DTMT1
24	Trần Mạnh	Hiệp	Nam	08/04/2002	Quảng Ninh	2.49	Trung bình	D20DTMT2
25	Nguyễn Quang	Huy	Nam	23/08/2002	Hà Nội	2.40	Trung bình	D20DTMT2
26	Đào Trọng	Khánh	Nam	16/09/2002	Hải Phòng	2.65	Khá	D20DTMT2
27	Đỗ Trọng	Khôi	Nam	22/03/2002	Thái Bình	2.72	Khá	D20DTMT2
28	Tô Văn	Mạnh	Nam	09/04/2002	Bắc Ninh	2.42	Trung bình	D20DTMT2
29	Trần Đức	Nam	Nam	11/06/2001	Nam Định	2.61	Khá	D20DTMT2
30	Bùi Minh	Quý	Nam	17/01/2002	Hà Tây	2.77	Khá	D20DTMT2
31	Phan Quang	Thành	Nam	24/12/2002	Hà Tây	2.65	Khá	D20DTMT2

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
32	Nguyễn Bá	Thịnh	Nam	11/10/2002	Hà Nội	2.71	Khá	D20DTMT2
33	Nguyễn Đỗ Anh	Tú	Nam	06/08/2002	Hà Tây	2.74	Khá	D20DTMT2
34	Vũ Ngọc	Hoàn	Nam	13/03/2002	Thái Bình	2.53	Khá	D20DTRB
35	Nguyễn Xuân	Khoa	Nam	07/08/2002	Bắc Ninh	2.22	Trung bình	D20DTRB
36	Vũ Khánh	Kiên	Nam	20/12/2002	Hà Tây	2.71	Khá	D20DTRB
37	Phan Chính	Nghĩa	Nam	01/01/2002	Hưng Yên	2.39	Trung bình	D20DTRB
38	Lê Anh	Son	Nam	30/09/2002	Hà Tây	2.80	Khá	D20DTRB
39	Đỗ Công	Thế	Nam	11/03/2002	Thái Bình	2.35	Trung bình	D20DTRB
40	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	19/07/2002	Quảng Ninh	2.79	Khá	D20DTRB
41	Nguyễn Duy	Minh	Nam	20/09/2002	Hà Nội	2.65	Khá	D20XLTH
42	Nguyễn Sơn	Tùng	Nam	23/06/2002	Hà Tây	2.72	Khá	D20XLTH
43	Xuân Tiến	Vinh	Nam	22/10/2002	Hà Tây	2.47	Trung bình	D20XLTH

Danh sách gồm 43 sinh viên.

Trong đó:

- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 1 sinh viên
- Khá: 27 sinh viên
- Trung bình: 15 sinh viên

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy
Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội
Ngành đào tạo: Kỹ thuật Điện tử viễn thông

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Nguyễn Xuân	Tiến	Nam	28/06/1997	Quảng Ninh	2.31	Trung bình	D15CQVT01-B
2	Vũ Hoài	Nam	Nam	22/04/1998	Thanh Hóa	2.29	Trung bình	D16CQVT07-B
3	Đào Trung	Thông	Nam	24/02/1998	Hung Yên	2.50	Khá	D16CQVT07-B
4	Hoàng Văn	Quang	Nam	08/07/1998	Thanh Hoá	2.38	Trung bình	D17CQVT02-B
5	Vũ Đình	Chiến	Nam	15/12/1999	Hà Nội	2.02	Trung bình	D17CQVT05-B
6	Phạm Việt	Hùng	Nam	12/08/1999	Lai Châu	2.19	Trung bình	D17CQVT05-B
7	Chu Đức Long	Nhật	Nam	19/05/1999	Lào Cai	2.21	Trung bình	D17CQVT05-B
8	Hoa Đăng	Sinh	Nam	18/02/1999	Hà Nội	2.10	Trung bình	D17CQVT06-B
9	Nguyễn Công	Long	Nam	13/10/2000	Hà Nội	2.09	Trung bình	D18CQVT02-B
10	Trịnh Thanh	Quang	Nam	02/08/2000	Hải Dương	2.29	Trung bình	D18CQVT07-B
11	Nguyễn Tuấn	Nam	Nam	01/07/2000	Hà Nội	2.05	Trung bình	D18CQVT08-B
12	Bùi Nhật Anh	Quân	Nam	16/10/2000	Hà Nội	2.52	Khá	D18CQVT08-B
13	Nguyễn Minh	Châu	Nam	24/07/2001	Thanh Hoá	2.06	Trung bình	D19VTHI1
14	Trần Văn	Hiếu	Nam	12/04/2001	Hà Nam	2.53	Khá	D19VTHI1
15	Nguyễn Đức Anh	Duy	Nam	09/08/2001	Phú Thọ	2.49	Trung bình	D19VTHI3
16	Hoàng Văn	Hà	Nam	28/03/2001	Hung Yên	2.43	Trung bình	D19VTHI3
17	Phạm Tùng	Lâm	Nam	16/08/2001	Thái Bình	2.62	Khá	D19VTHI3
18	Phùng Văn	Thụ	Nam	17/02/2001	Hà Tây	2.59	Khá	D19VTHI3
19	Phạm Vũ	Sắc	Nam	05/11/2001	Nam Định	2.05	Trung bình	D19VTMD1
20	Nguyễn Văn	Duẩn	Nam	27/08/2001	Thái Bình	2.20	Trung bình	D19VTMD2
21	Hoàng Trung	Kiên	Nam	18/03/2001	Hà Tây	2.20	Trung bình	D19VTMD3
22	Đặng Đắc	Đạt	Nam	30/11/2001	Quảng Ninh	2.21	Trung bình	D19VTVT1
23	Nguyễn Văn	Vĩnh	Nam	14/03/2001	Vĩnh Phúc	2.41	Trung bình	D19VTVT1
24	Phạm Trần Minh	Đức	Nam	10/12/2001	Hà Nội	2.12	Trung bình	D19VTVT2
25	Nguyễn Minh	Quang	Nam	02/06/2001	Hà Nội	2.00	Trung bình	D19VTVT2
26	Tạ Văn	An	Nam	25/01/2002	Hải Dương	2.50	Khá	D20VTHI1
27	Hoàng Đức	Chung	Nam	30/10/2002	Nghệ An	2.51	Khá	D20VTHI1
28	Dương Công	Đạt	Nam	24/04/2002	Hà Nội	2.50	Khá	D20VTHI1
29	Phạm Huy	Hoàng	Nam	28/01/2002	Hà Nam	2.52	Khá	D20VTHI1
30	Phan Thế	Hùng	Nam	26/03/2002	Hà Nội	2.33	Trung bình	D20VTHI1
31	Nguyễn Quang	Huy	Nam	09/05/2002	Quảng Ninh	2.55	Khá	D20VTHI1

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
32	Vũ Ngọc Phương	Nam	Nam	30/08/2002	Hưng Yên	2.36	Trung bình	D20VTHI1
33	Phùng Đình	Tuấn	Nam	09/05/2002	Hà Tây	2.80	Khá	D20VTHI1
34	Lê Quang	Tùng	Nam	02/02/2002	Hà Nội	2.51	Khá	D20VTHI1
35	Lê Quang	Anh	Nam	28/05/2002	Bắc Giang	2.56	Khá	D20VTHI2
36	Vũ Trung	Hiếu	Nam	20/08/2002	Thái Bình	2.22	Trung bình	D20VTHI2
37	Ngô Văn	Hồng	Nam	13/04/2002	Ninh Bình	2.25	Trung bình	D20VTHI2
38	Đặng Đình	Trung	Nam	02/05/2002	Hưng Yên	2.55	Khá	D20VTHI2
39	La Quang	Trường	Nam	30/04/2002	Bắc Giang	2.52	Khá	D20VTHI2
40	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	Nam	06/05/2002	Hà Nội	2.61	Khá	D20VTHI3
41	Lê Phúc	Chinh	Nam	25/11/2001	Hà Tây	2.51	Khá	D20VTHI3
42	Lâm Trần Quang	Huy	Nam	19/06/2002	Đắk Lắk	2.51	Khá	D20VTHI3
43	Nguyễn Quang	Minh	Nam	26/08/2002	Thái Bình	2.21	Trung bình	D20VTHI3
44	Đoàn Vũ	Phong	Nam	19/09/2002	Thái Bình	2.39	Trung bình	D20VTHI3
45	Nguyễn Anh	Phụng	Nam	15/05/2002	Bắc Giang	2.50	Khá	D20VTHI3
46	Đào Đức	Thắng	Nam	15/06/2002	Hưng Yên	2.47	Trung bình	D20VTHI3
47	Phạm Chiến	Thắng	Nam	23/01/2002	Ninh Bình	2.34	Trung bình	D20VTHI3
48	Nhữ Xuân	Tú	Nam	25/03/2002	Hải Dương	2.83	Khá	D20VTHI3
49	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	21/12/2002	Hà Nội	2.87	Khá	D20VTMD1
50	Vũ Văn	Đức	Nam	04/10/2002	Hà Tây	3.06	Khá	D20VTMD1
51	Nguyễn Xuân	Hiếu	Nam	09/01/2002	Hà Tây	2.79	Khá	D20VTMD1
52	Nguyễn Hoàng	Minh	Nam	14/08/2002	Hà Nội	2.53	Khá	D20VTMD1
53	Đỗ Anh	Phương	Nam	27/09/2002	Hải Phòng	2.57	Khá	D20VTMD1
54	Hà Ngọc	Bảo	Nam	17/02/2002	Bắc Ninh	2.52	Khá	D20VTMD2
55	Trần Hoàng	Hiệp	Nam	15/09/2002	Hưng Yên	3.16	Khá	D20VTMD2
56	Võ Minh	Hiếu	Nam	08/08/2002	Hà Nội	2.55	Khá	D20VTMD2
57	Trần Văn	Hùng	Nam	26/06/2002	Thanh Hoá	2.58	Khá	D20VTMD2
58	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	04/05/2002	Hưng Yên	2.36	Trung bình	D20VTMD2
59	Tô Văn	Thắng	Nam	06/11/2002	Hà Tây	2.71	Khá	D20VTMD2
60	Nguyễn Phúc	Thiện	Nam	10/10/2002	Thanh Hoá	2.57	Khá	D20VTMD2
61	Vũ Thế	Toàn	Nam	30/07/2002	Hà Nam	2.17	Trung bình	D20VTMD2
62	Đình Tuấn	Anh	Nam	02/03/2002	Nam Định	2.95	Khá	D20VTMD3
63	Vũ Hoàng	Anh	Nam	10/07/2002	Hà Tây	2.52	Khá	D20VTMD3
64	Bùi Văn	Dũng	Nam	25/09/2002	Hà Tây	2.56	Khá	D20VTMD3
65	Nguyễn Khánh	Duy	Nam	23/09/2002	Hòa Bình	2.68	Khá	D20VTMD3
66	Nguyễn Thế	Hùng	Nam	22/12/2002	Quảng Ninh	2.70	Khá	D20VTMD3
67	Trần Khắc	Huy	Nam	01/08/2002	Hà Nam	2.54	Khá	D20VTMD3
68	Nguyễn Thành	Lợi	Nam	31/12/2002	Hà Nội	2.58	Khá	D20VTMD3
69	Nguyễn Xuân	Thiện	Nam	12/09/2002	Nam Định	2.53	Khá	D20VTMD3

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
70	Ngô Văn	Trí	Nam	29/05/2002	Hà Nội	2.57	Khá	D20VTMD3
71	Đỗ Hoàng	Anh	Nam	24/04/2002	Hà Tây	2.32	Trung bình	D20VTVT1
72	Nguyễn Hợp Hoàng	Anh	Nam	25/09/2002	Hà Tây	2.51	Khá	D20VTVT1
73	Phạm Thị	Ánh	Nữ	20/11/2002	Lạng Sơn	2.31	Trung bình	D20VTVT1
74	Tôn Văn	Công	Nam	06/11/2002	Thái Nguyên	2.57	Khá	D20VTVT1
75	Nguyễn Đức	Dũng	Nam	24/01/2002	Vĩnh Phúc	2.26	Trung bình	D20VTVT1
76	Vũ Trà	My	Nữ	28/05/2002	Ninh Bình	2.18	Trung bình	D20VTVT1
77	Trần Hán	Sơn	Nam	20/01/2002	Nam Định	2.18	Trung bình	D20VTVT1
78	Phạm Đăng	Thái	Nam	30/08/2002	Hà Nam	2.51	Khá	D20VTVT1
79	Phạm Quỳnh	Văn	Nam	04/10/2002	Hà Tây	2.50	Khá	D20VTVT1
80	Phạm Đăng	Khoa	Nam	23/01/2002	Thái Bình	2.37	Trung bình	D20VTVT2
81	Trần Minh	Nghĩa	Nam	19/06/2002	Sơn La	2.51	Khá	D20VTVT2
82	Nguyễn Văn	Trí	Nam	05/08/2002	Bắc Ninh	2.02	Trung bình	D20VTVT2
83	Nguyễn Đức	Trung	Nam	17/05/2002	Hải Dương	2.32	Trung bình	D20VTVT2

Danh sách gồm 83 sinh viên.
Trong đó:
- Xuất sắc: 0 sinh viên
- Giỏi: 0 sinh viên
- Khá: 45 sinh viên
- Trung bình: 38 sinh viên

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

PGS.TS Trần Quang Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện)

Hình thức đào tạo: Chính quy
Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Đơn vị đào tạo: Cơ sở đào tạo Hà Nội
Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin (CLC)

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Đào Trọng	Hiếu	Nam	03/08/2002	Hải Phòng	3.09	Khá	E20CQCN01-B
2	Trần Văn	Hiếu	Nam	19/04/2002	Hưng Yên	2.53	Khá	E20CQCN01-B
3	Trần Đình Khôi	Nguyên	Nam	07/06/2002	Hà Nội	2.78	Khá	E20CQCN01-B
4	Vũ Đức	Phúc	Nam	25/09/2002	Thái Bình	2.66	Khá	E20CQCN01-B
5	Nguyễn Đình	Tùng	Nam	06/05/2002	Hà Nội	2.75	Khá	E20CQCN01-B

Danh sách gồm 5 sinh viên.

- Trong đó:
- Xuất sắc: 0 sinh viên
 - Giỏi: 0 sinh viên
 - Khá: 5 sinh viên
 - Trung bình: 0 sinh viên

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh